TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P L** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P L – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Bà **Võ Tuyết Kha**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N H**– sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Ấp P N, xã P L, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Anh **Nguyễn V K**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Ấp P N, xã P L, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

(C Hvắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, A Kvắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị N H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và A Kxây dựng hôn nhân năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn theo quy định, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2006 tại xã P L, huyện P L. Hiện chị và A Kđã ly thân từ tháng 12 năm 2021. Lý do ly thân là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, A Kkhông lo làm ăn, từ khi ly thân hai bên không gắp nhau hàng gắn hôn nhân. C Hxác định giữa chị và A Kkhông còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khởi.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và A Kcó hai người con chung là cháu Nguyễn Công L, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 03/6/2010 khi ly hôn con theo ai người thì đó nuôi, được nuôi con chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn V K :*

A Kđược Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên Tòa án không lấy lời khai và không ghi nhận được ý kiến của anh Khởi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P L trình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho C Hđược ly hôn với anh Khởi.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công L, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 03/6/2010 cho C Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. A Kcó quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng C Hkhông yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: C Hphải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] C Hyêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Khởi, A Kcó địa chỉ tại huyện P L, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P L, tỉnh Bạc Liêu.

[2] A Kđã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt A Klà phù hợp với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị và A Kxây dựng hôn nhân năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn theo quy định, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2006 tại xã P L, huyện P L, do đó hôn nhân của chị Hân, A Klà hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh, chị đã ly thân thời gian dài do cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàng gắn lại hôn nhân, C Hxác định không còn tình cảm với anh Khởi, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa C Hvà A Kđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hân, cho C Hđược ly hôn với anh Khởi.

[4] Về con chung: Chị Hân, A Kcó hai người con chung là Nguyễn Công L, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 03/6/2010, khi ly hôn C Hyêu cầu ghi nhận ý kiến của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Quá trình tiếp xúc cháu L, cháu K có nguyện vọng sống với chị Hân. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Nguyễn Công L, sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 03/6/2010 cho C Hđược trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cháu L hiện đang sống chung với A Kbuộc A Kcó trách nhiệm giao cháu L cho C Hchăm sóc, nuôi dưỡng, A Kcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Do C Hkhông yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: C Hphải chịu 300.000đ án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N H được ly hôn với anh Nguyễn V K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chấn K, sinh ngày 03/6/2010 cho C Hđược tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc A Kgiao cháu Nguyễn Công L, sinh ngày 01/10/2006 cho C Hđược trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. A Kcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Do C Hkhông yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí*:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm C Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ. C Hđã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012512

ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P L nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. A Kkhông phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P L;
- Chi cục THADS huyện P L;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đẹp